TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK MIL
TỈNH ĐẮK NÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 25/2024/HSST
Ngày: 23-4-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL, TỈNH ĐẮK NÔNG

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Thắng
Các hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Thanh, ông Nguyễn Tiến Tịnh
Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Trung – Thư ký viên, Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Bà Niê Đoan Trinh – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 29/2024/HSST, ngày 05/4/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2024/QĐXXST-HS, ngày 11/4/2024 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Lê Thị H, sinh năm 1983, tại tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: thôn A, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê Doãn M, sinh năm 1960 và bà Lê Thị P, sinh năm 1962; chồng: Nguyễn Bá H1, sinh năm 1982 (đã ly hôn) và có 04 người con, con lớn nhất sinh năm 2003, con nhỏ nhất sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không; biện pháp ngăn chặn được áp dụng: Bị bắt tạm giữ ngày 14/01/2024, đến ngày 20/01/2024 bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú – Có mặt.

2. Họ và tên: Lê Thị H2, sinh năm 1987, tại tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: thôn A, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê Doãn M, sinh năm 1960 và bà Lê Thị P, sinh năm 1962; chồng: Võ Duy S, sinh năm 1972 và 03 người con, con lớn nhất sinh năm 2008, con nhỏ nhất sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không; biện pháp ngăn chặn được áp dụng: Bị bắt tạm giữ ngày 14/01/2024 đến ngày 20/01/2024 bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú – Có mặt.

Người bào chữa cho các bị cáo: Luật sư Lê Trọng C, Văn phòng L, địa chỉ: Số D N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – Có mặt.

Bị hại: Anh Nguyễn Văn Trí V, sinh năm 1992; địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Trần Văn T, sinh năm 1967, địa chỉ: Tổ dân phố B, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

- Anh Trần Lê Nhơn H3, sinh năm 1988; địa chỉ: Số A, khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương – Vắng mặt.

- Anh Lê Thành P1, sinh năm 1993; địa chỉ: Thôn A, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

Người làm chứng:

- Bà Văn Thị Thanh N, sinh năm 1965; địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – Có mặt.

- Cháu Nguyễn Ngọc Ý N1, sinh ngày 05/12/2009; địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; (Người giám hộ: Bà Văn Thị Thanh N) – Có mặt.

- Cháu Y – H4, sinh ngày 30/4/2010; địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; (Người giám hộ: Bà Văn Thị Thanh N) – Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 10 giờ 30 phút ngày 13/01/2024, Lê Thị H (sinh năm 1983, trú tại thôn A, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk) điều khiển xe ô tô bán tải, biển số 77C - 169.00 chở Lê Thị H2 (sinh năm 1987, trú tại thôn A, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk) đến các rẫy cà phê của người dân trên địa bàn huyện Đ, tỉnh Đắk Nông để cắt chồi về ghép bán lấy tiền tiêu xài. Khi đi còn chở theo xe mô tô biển số 47L1 - 135.19 để làm phương tiện đi lại giữa các rẫy (xe ô tô và xe mô tô mượn của ông Trần Văn T, sinh năm 1967, trú tại TDP B, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk).

Đến khoảng 16 giờ 30 phút cùng ngày, khi đi đến rẫy cà phê của ông Nguyễn Văn Trí V (sinh năm 1992) thuộc thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông thì phát hiện có 06 bao cà phê quả tươi, đựng trong bao xác rắn, loại bao UREA màu xanh lá cây, cột bằng dây nhựa màu vàng đang được dựng ở dưới gốc cây cà phê và gốc cây sầu riêng, quan sát thấy không có người trông coi nên cả hai nảy sinh ý định trộm cắp bán lấy tiền tiêu xài, Lê Thị H và Lê Thị H2 khiêng 06 bao cà phê quả tươi bỏ lên thùng xe. Sau đó, điều khiển xe ô tô biển số 77C - 169.00 đi về Tp ., tỉnh Đắk Lắk thì có cháu Nguyễn Ngọc Ý Như đi đến phát hiện và báo cho chị Văn Thị Thanh N, chị N báo cho anh Nguyễn Văn T1 V biết, anh V đã trình báo Công an xã T. Khi Lê Thị H và Lê Thị H2 đi đến thôn Đ, xã Đ, huyện Đ thì bị anh Nguyễn Văn Trí V và Công an xã T bắt quả tang cùng tang vật, chuyển hồ sơ cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ, tỉnh Đắk Nông để xử lý theo quy định của pháp luật. Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Lê Thị H và Lê Thị H2 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 08/KL-HĐĐGTS, ngày 16/01/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đ, tỉnh Đắk Nông kết luận: 06 bao cà phê quả tươi, trọng lượng 343,8 kg có giá trị 5.844.600 đồng; 06 vỏ bao loại bao UREA màu xanh, đã qua sử dụng có giá trị 6.000 đồng.

- Vật chứng đã thu giữ: 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu sơn đen - đỏ, biển số 47L1 - 135.19; 01 xe ô tô bán tải, biển số 77C - 169.00; 06 bao cà phê quả tươi, loại bao UREA màu xanh, có khối lượng 343,8 kg.

Tại Bản cáo trạng số 29/CT – VKS (ĐM) ngày 05 tháng 4 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil truy tố các bị cáo Lê Thị H và Lê Thị H2 về tội "*Trộm cắp tài sản*" quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo Lê Thị H và Lê Thị H2 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Mil giữ quyền công tố tại phiên tòa sau khi phân tích, đánh giá tính chất của vụ án, chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo cũng như các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự và giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Lê Thị H, Lê Thị H2 về tội "*Trộm cắp tài sản*".

Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Lê Thị H mức án từ 9 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng, xử phạt bị cáo Lê Thị H2 mức án từ 6 đến 9 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Nguyễn Văn Trí V không yêu cầu bị cáo bồi thường nên không xem xét.

Về vật chứng của vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đã trả lại 06 bao cà phê quả tươi, loại bao UREA màu xanh, có khối lượng 343,8 kg; 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu sơn đen - đỏ, biển số 47L1 - 135.19; 01 xe ô tô nhãn hiệu Ken Bo biển số 77C - 169.00 cho các chủ sở hữu hợp pháp.

Đối với ông Trần Văn T do không biết các bị cáo sử dụng xe của mình vào việc phạm tội nên không có căn cứ để xử lý theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Bị cáo Lê Thị H, Lê Thị H2 phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Tại phiên tòa luật sư bào chữa cho các bị cáo trình bày: Đồng ý với bản luận tội của Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa đối với các bị cáo. Các bị cáo đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, các bị cáo có ông nội là liệt sỹ, các bị cáo đều là lao động chính trong gia đình và các con của các bị cáo đang còn nhỏ, bị cáo H2 thuộc hộ nghèo được hưởng trợ cấp xã hội. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo và cho các bị cáo được tự cải tạo ngoài xã hội dưới sự giám sát của chính quyền địa phương nơi các bị cáo cư trú và gia đình của các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ Luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại, những người tham gia tố tụng không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa, bị cáo Lê Thị H, Lê Thị H2 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện đúng như diễn biến sự việc mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông đã truy tố, lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra và phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ thu thập có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai.

[3]. Hội đồng xét xử xét thấy: Vào lúc 16 giờ 30 phút ngày 13/01/2024, tại thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, lợi dụng sơ hở trong việc quản lý tài sản của anh Nguyễn Văn Trí V, Lê Thị H và Lê Thị H2 đã có hành vi lén lút trộm cắp 06 bao cà phê quả tươi, khối lượng 343,8 kg có giá trị 5.844.600 đồng; 06 vỏ bao loại UREA màu xanh, đã qua sử dụng có giá trị 6.000 đồng. Tổng giá trị là 5.850.600 đồng *(Năm triệu tám trăm năm mươi nghìn sáu trăm đồng).* Hành vi trộm cắp tài sản nêu trên của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "*Trộm cắp tài sản*" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Điều 173 của Bộ luật hình sự quy định:

"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm"

[4]. Hành vi do các bị cáo thực hiện đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an nơi bị cáo thực hiện hành vi phạm tội, do đó cần xử phạt các bị cáo mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ và hậu quả do hành vi phạm tội bị cáo đã gây ra.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, các bị cáo có ông nội là liệt sỹ, bị cáo H2 thuộc hộ nghèo được hưởng trợ cấp xã hội do

đó cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo.

Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử xét thấy: Các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, ngoài lần vi phạm pháp luật này các bị cáo không có vi phạm nào khác, các bị cáo đều đang nuôi con nhỏ, hoàn cảnh gia đình khó khăn nên không cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mà cho các bị cáo hưởng chế định án treo dưới sự giám sát giáo dục của chính quyền địa phương, gia đình cũng đảm bảo việc giáo dục, cải tạo các bị cáo trở thành công dân tốt, thể hiện sự nhân đạo nhưng vẫn đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật.

[7]. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại anh Nguyễn Văn T1 Vương không yêu cầu các bị cáo bồi thường nên không xem xét giải quết.

[8]. Về vật chứng của vụ án: Trong quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đã thu giữ 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu sơn đen - đỏ, biển số 47L1 - 135.19; 01 xe ô tô nhãn hiệu Ken Bo biển số 77C - 169.00; 06 bao cà phê quả tươi, loại bao UREA màu xanh, có khối lượng 343,8 kg. Hội đồng xét xử xét thấy: Việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đã thu giữ sau đó trả lại 06 bao cà phê quả tươi, loại bao UREA màu xanh, có khối lượng 343,8 kg; 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu sơn đen - đỏ, biển số 47L1 - 135.19; 01 xe ô tô nhãn hiệu Ken Bo biển số 77C - 169.00 cho các chủ sở hữu hợp pháp, đúng quy định tại khoản 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự, khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9]. Về án phí hình sự: Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Bị cáo Lê Thị H, Lê Thị H2 phải nộp số tiền 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10]. Đối với ông Trần Văn T do không biết các bị cáo sử dụng xe của mình vào việc phạm tội nên không có căn cứ để xử lý theo quy định của pháp luật.

[11]. Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tại phiên tòa là có cơ sở, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật nên cần được chấp nhận.

[12]. Xét luận cứ bào chữa của Luật sư bào chữa cho các bị cáo tại phiên tòa là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Lê Thị H, Lê Thị H2 phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*.

2. Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Thị H 09 (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm 06 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo Lê Thị H2 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Lê Thị H cho Ủy ban nhân dân xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú trong việc giám sát và giáo dục bị cáo.

Giao bị cáo Lê Thị H2 cho Ủy ban nhân dân xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú trong việc giám sát và giáo dục bị cáo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật hình sự và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự: Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đã trả lại 06 bao cà phê quả tươi, loại bao UREA màu xanh, có khối lượng 343,8 kg cho anh Nguyễn Văn T1 V; trả lại 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu sơn đen - đỏ, biển số 47L1 - 135.19 và 01 xe ô tô nhãn hiệu Ken Bo biển số 77C - 169.00 cho ông Trần Văn T là các chủ sở hữu hợp pháp.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Buộc bị cáo Lê Thị H, Lê Thị H2 mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người bị hại được quyền kháng cáo toàn bộ bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND tỉnh Đắk Nông
- VKSND huyện Đắk Mil;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Nông;
- Phòng PV06, PC10 Công an tỉnh Đắk Nông;
- Cơ quan THAHS Công an huyện Đắk Mil;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện Đắk Mil;
- Chi cục THADS huyện Đắk Mil;
- Người tham gia tố tụng;.
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Vp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thế Thắng